TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2023
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Ông Trịnh Văn Bé.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2023/TLST-HNGĐ về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số 427/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp A. Xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: số 49/64, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Có đơn xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Qua tìm hiểu, bà và ông Võ Thanh T, sinh năm 1985, ngụ ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang chung sống với nhau năm 2009, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý năm 2014. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, do chồng hay nhậu vào bạo lực vợ con, nên thường xuyên xảy ra cự cãi, đến năm 2018

không sống chung với nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông T; Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Anh Th, sinh ngày 07/8/2010, hiện con đang sống chung với ông T, khi ly hôn bà đồng ý cho ông T nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: Không có; Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Võ Thanh T được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Võ Thanh T.

- Ông Võ Thanh T được tiếp tục chăm sóc con chung tên Nguyễn Thị Anh Th, sinh ngày 07/8/2010, bà Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh T, ông T có nơi cư trú ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Võ Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh T, bà N và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà N trình bày, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, do chồng hay nhậu vào bạo lực vợ con, nên thường xuyên xảy ra cự cãi, đến năm 2018 không sống chung với nhau cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà N yêu cầu ly hôn và triệu tập ông T tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do ông T có hành vi bạo lực nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, bà N xác định vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Anh Th, sinh ngày 07/8/2010, hiện con đang sống chung với ông T, khi ly hôn bà đồng ý cho ông T nuôi dưỡng con chung. Tòa án đã đến nhà để ghi nhận nguyện vọng của cháu Th, nhưng không ghi nhận được, do cháu không có mặt ở nhà. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu Th do ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết ông T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà N. Do đó, để ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Võ Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Võ Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 89/KH, ngày 09 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị N và ông Võ Thanh T không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Ông Võ Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Anh Th, sinh ngày 07/8/2010. Bà Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Thanh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị N xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Nguyễn Thị N và ông Võ Thanh T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, bà Nguyễn Thị N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 0013483 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 14/4/2023. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Anh Thư